

TIẾN TRÌNH THOÁT KHỎI SỰ PHỤ THUỘC VÀO NĂNG LƯỢNG NGA CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU: ĐA DẠNG HÓA HAY TÁI CẤU TRÚC SỰ PHỤ THUỘC?

Trần Bách Hiếu*, Nguyễn Mai Đức Hiếu**

Ngày nhận bài: 20/5/2026 | Ngày gửi phản biện: 03/6/2026 | Ngày duyệt đăng: 17/7/2026

Tóm tắt: Sự phụ thuộc của Liên minh châu Âu (EU) vào Nga trong lĩnh vực năng lượng được hình thành từ thế kỷ XX và kéo dài cho đến trước năm 2022, qua đó, tạo điều kiện để Nga sử dụng năng lượng như một công cụ chiến lược nhằm đạt được các mục tiêu chính trị. Trên cơ sở lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau, bài viết phân tích mức độ nhạy cảm và tổn thương của EU trước nguồn cung năng lượng từ Nga. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích chính sách định tính làm chủ đạo, soi chiếu qua khung lý thuyết 4As. Kết quả nghiên cứu cho thấy, EU đã đạt được những tiến triển đáng kể trong việc đa dạng hóa nguồn cung và đảm bảo an ninh năng lượng ở khía cạnh nguồn cung và khả năng tiếp cận. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt là chi phí năng lượng gia tăng và sự phụ thuộc ngày càng lớn vào thị trường LNG toàn cầu.

Từ khóa: An ninh năng lượng, 4As, phụ thuộc, LNG, EU.

Abstract: The European Union's (EU) dependence on Russia in the energy sector was formed in the 20th century and persisted until prior to 2022, thereby enabling Russia to utilize energy as a strategic instrument to achieve its political objectives. Drawing on the theory of interdependence, this article analyzes the EU's levels of sensitivity and vulnerability to Russian energy supplies. The study primarily employs qualitative policy analysis, examined through the 4As analytical framework. The findings indicate that the EU has made significant progress in diversifying its energy

*TS., Trường Đại học Thái Bình; Email: bachhieul68@gmail.com.

**SV., Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: nmdh03@gmail.com.

sources and ensuring energy security, particularly in terms of availability and accessibility. However, this process also presents several challenges, notably rising energy costs and an increasing dependence on the global LNG market.

Keywords: Energy security, 4As, dependence, LNG, European Union.

1. Đặt vấn đề

An ninh năng lượng từ lâu đã là một trong những ưu tiên chiến lược của EU, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng trong khi nguồn cung nội khối hạn chế (Ah Voun, 2024). Trong nhiều thập kỷ, EU duy trì mức độ phụ thuộc đáng kể vào nguồn năng lượng nhập khẩu từ Nga (Tichý và Dubský, 2024; Lê Hoàng Kiệt và cộng sự, 2023), một cấu trúc được hình thành dựa trên các yếu tố như giá thành cạnh tranh, hợp đồng dài hạn và hệ thống hạ tầng đường ống liên kết chặt chẽ. Mặc dù vấn đề giảm phụ thuộc vào năng lượng Nga đã được đặt ra trong các chương trình nghị sự của EU từ trước, tuy nhiên tiến trình này diễn ra tương đối chậm và thiếu tính đột phá (Lê Hoàng Kiệt và cộng sự, 2024). Cuộc xung đột Nga - Ukraine bùng nổ vào năm 2022 đã tạo ra một cú sốc địa chính trị lớn, buộc EU phải đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc hệ thống năng lượng thông qua các biện pháp chính sách quyết liệt hơn, hướng tới mục tiêu nâng cao mức độ tự chủ năng lượng (Ah Voun, 2024).

Tính mới và đóng góp của nghiên cứu này được thể hiện qua việc cập nhật và phân tích sâu sắc các biến số mới nhất tính đến đầu năm 2026: (1) Phân tích sự chuyển đổi từ cam kết chính trị sang thể chế hóa pháp lý thông qua Quy định (EU/261/2026) được thông qua vào tháng 01/2026, thiết lập lộ trình cường chế chấm dứt hoàn toàn nhập khẩu khí đốt Nga vào năm 2027; (2) Nghiên cứu cập nhật tác động thực tiễn từ cuộc chiến giữa Mỹ và Iran (2026) làm gián đoạn giao thông qua eo biển Hormuz, qua đó kiểm chứng mức độ tổn thương của EU trước dạng phụ thuộc mới mang tính thị trường; (3) Đưa ra hàm ý chính sách thực tiễn cho Việt Nam trong việc thiết lập các “hành lang an toàn” vận tải năng lượng bằng đường biển để giảm thiểu rủi ro từ các điểm nghẽn địa chính trị truyền thống.

Câu hỏi nghiên cứu quan trọng được đặt ra là: liệu EU đã thực sự đạt được mức độ tự chủ năng lượng cao hơn, hay chỉ chuyển dịch sang một dạng phụ thuộc mới trong quá trình tái cấu trúc? Để trả lời câu hỏi này, bài viết tập trung phân tích các chính sách và biện pháp của EU trong giai đoạn 2022-2026, giai đoạn đánh dấu sự chuyển đổi mạnh mẽ trong cách tiếp cận an ninh năng lượng của khối. Bài viết không chỉ làm rõ mức độ thành công và những hạn chế trong chiến lược “thoát Nga” của EU, mà còn rút ra một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam trong bối cảnh an ninh năng lượng ngày càng trở thành một vấn đề toàn cầu mang tính chiến lược.

2. Cơ sở lý thuyết và bối cảnh quan hệ năng lượng EU - Nga

2.1. Cơ sở lý thuyết

Để phân tích quá trình tái cấu trúc năng lượng của EU từ năm 2022 đến nay, bài viết sử dụng kết hợp lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau và mô hình an ninh năng lượng 4As¹ như các công cụ phân tích chính.

Trước hết, lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau được sử dụng để lý giải mức độ gắn kết và phụ thuộc giữa EU và Nga trong lĩnh vực năng lượng trước năm 2022. Lý thuyết về sự phụ thuộc lẫn nhau cho rằng, quyền lực không phải là một loại hàng hóa đồng nhất có thể hoán đổi hoàn toàn, mà nó thường gắn liền với từng lĩnh vực cụ thể. Quyền lực bắt nguồn từ sự phụ thuộc lẫn nhau mang tính phi đối xứng giữa các quốc gia. Theo đó, quốc gia ít phụ thuộc hơn có khả năng thao túng mối quan hệ để đạt được mục tiêu của mình, không chỉ trong lĩnh vực đang tranh chấp, mà còn ở các lĩnh vực khác thông qua các hình thức “thanh toán phụ” (Keohane và Nye, 1973). Hai chiều kích của sự phụ thuộc lẫn nhau là “tính nhạy cảm” và “tính dễ bị tổn thương” (Keohane và Nye, 1973). Tính nhạy cảm phản ánh mức độ phản ứng tức thời trước các biến động từ bên ngoài, trong khi tính tổn thương đề cập đến chi phí và khả năng thích ứng khi các mối quan hệ phụ thuộc bị gián đoạn. Trong trường hợp của EU, sự phụ thuộc lớn vào nguồn cung năng lượng từ Nga, đặc biệt là khí đốt qua đường ống, đã khiến khối này rơi vào trạng thái vừa nhạy cảm vừa dễ bị tổn thương trước các cú sốc địa chính trị.

Bên cạnh đó, để đánh giá hiệu quả của quá trình tái cấu trúc năng lượng sau năm 2022, bài viết vận dụng mô hình an ninh năng lượng 4As. Mô hình phân tích được sử dụng để đánh giá hiệu suất an ninh năng lượng của một quốc gia, xem xét an ninh năng lượng dựa trên bốn tiêu chí: (i) Sự sẵn có của nguồn cung; (ii) Khả năng tiếp cận thông qua hạ tầng và thị trường; (iii) Khả năng chi trả của nền kinh tế đối với năng lượng; và (iv) Tính chấp nhận liên quan đến các yêu cầu về môi trường và phát triển bền vững (Vivoda, 2022). Việc áp dụng mô hình 4As cho phép đánh giá các chính sách năng lượng của EU không chỉ trên phương diện đảm bảo nguồn cung, mà còn xét đến các yếu tố kinh tế và môi trường.

Tuy nhiên, mô hình 4As chủ yếu mang tính mô tả và chưa phản ánh đầy đủ các yếu tố quyền lực và địa chính trị trong quan hệ năng lượng. Do đó, việc kết hợp với lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau giúp bổ sung chiều sâu phân tích, qua đó làm rõ cả nguyên nhân và hệ quả của quá trình tái cấu trúc năng lượng của EU.

Trên cơ sở đó, bài viết xây dựng logic nghiên cứu gồm ba bước: (i) Phân tích mức độ phụ thuộc năng lượng của EU trước năm 2022; (ii) Làm rõ các chính sách tái cấu trúc được triển khai trong giai đoạn 2022-2026; và (iii) Đánh giá hiệu quả của các chính sách này dựa trên bốn tiêu chí của mô hình 4As.

2.2. Bối cảnh lịch sử phụ thuộc năng lượng

Sự phụ thuộc năng lượng của một số nước Tây Âu vào Liên Xô (sau này là Nga) có nguồn gốc từ giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong bối cảnh tái thiết kinh tế, Liên Xô đã bắt đầu cung cấp năng lượng với quy mô hạn chế cho Ba Lan và các quốc gia Đông Âu. Năm 1960, Liên Xô đã bắt đầu cung cấp năng lượng cho Tây Âu theo các thỏa thuận thương mại song phương dài hạn khi Liên Xô thực hiện khai thác các mỏ dầu và khí đốt với trữ lượng khổng lồ ở khu vực Tây Siberia (Lê Hoàng Kiệt và cộng sự, 2023; Vošta, 2025). Đến đầu thập niên 1970, quan hệ hợp tác năng lượng giữa Tây Âu và Liên Xô tiếp tục được củng cố trong bối cảnh biến động của thị trường năng lượng toàn cầu. Tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ giai đoạn 1973, xuất phát từ xung đột Ả Rập - Israel, đã làm gián đoạn nguồn cung dầu từ khu vực Trung Đông, buộc các quốc gia Tây Âu phải tìm kiếm các nguồn cung thay thế ổn định hơn (Lê Hoàng Kiệt và cộng sự, 2023; Vošta, 2025). Trong bối cảnh đó, Liên Xô nổi lên như một đối tác quan trọng, cung cấp khoảng 27% lượng dầu mỏ tiêu thụ của Tây Âu (David, 2014).

Bước sang thế kỷ XXI, mức độ phụ thuộc của EU vào nguồn cung năng lượng từ Nga ngày càng gia tăng, đặc biệt trong lĩnh vực khí đốt tự nhiên. Trước khi xung đột Nga-Ukraine bùng nổ vào tháng 2/2022, khí đốt từ Nga chiếm tới 44,4% tổng nhu cầu nhập khẩu khí đốt của EU (Kardaś, 2023). Cụ thể, năm 2021 EU nhập khẩu khoảng 155 tỷ m³ khí đốt từ Nga, tương đương 45% tổng lượng khí đốt nhập khẩu của khối. Không chỉ khí đốt, Nga cũng là một trong những nhà cung cấp dầu thô quan trọng nhất, với 108,1 triệu tấn được EU nhập khẩu trong năm 2021, cùng với 91 triệu tấn sản phẩm dầu mỏ tinh chế, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng lượng nhập khẩu của EU (Muzlova, 2022). Về than đá, các quốc gia thành viên EU nhập khẩu 51,4 triệu tấn từ Nga tương đương gần 50% tổng lượng than nhập khẩu. Sự phụ thuộc này không chỉ xuất hiện trong lĩnh vực dầu, khí và than, mà còn mở rộng sang lĩnh vực hạt nhân. Trước năm 2022, nhiên liệu hạt nhân từ Nga được sử dụng trong 18 tổ máy điện hạt nhân tại EU, bao gồm sáu tổ máy ở Cộng hòa Séc, bốn tổ máy tại Hungary và Slovakia, và hai tổ máy ở Phần Lan và Bulgaria (Kardaś, 2023).

Nhìn chung, trước năm 2022, Nga giữ vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng năng lượng của EU, đặc biệt tại các quốc gia Trung và Đông Âu. Mỗi quan hệ này được duy trì dựa trên các yếu tố như giá thành cạnh tranh, hợp đồng dài hạn và mạng lưới đường ống quy mô lớn. Tuy nhiên, chính cấu trúc phụ thuộc sâu rộng này đã khiến EU rơi vào trạng thái dễ bị tổn thương trước các cú sốc địa chính trị (Vošta, 2025), đồng thời giải thích vì sao sau năm 2022, quá trình giảm phụ thuộc vào năng lượng Nga vừa mang tính cấp bách, vừa đối mặt với nhiều thách thức.

3. Quá trình tái cấu trúc năng lượng của EU giai đoạn 2022-2026

3.1. Định hướng chính sách và cơ sở pháp lý

Trước những diễn biến bất ngờ và mức độ leo thang xung đột Nga - Ukraine, EU đã phản ứng nhanh chóng bằng việc triển khai hàng loạt biện pháp nhằm giảm thiểu phụ thuộc vào năng lượng Nga và hạn chế nguồn thu từ xuất khẩu năng lượng vốn là trụ cột tài chính của Nga. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Versailles vào tháng 3/2022, các nhà lãnh đạo EU đã cam kết giảm dần sự phụ thuộc của châu Âu vào khí đốt tự nhiên, dầu mỏ và than đá nhập khẩu từ Nga (Butorac, 2025). Cam kết này sau đó trở thành một trụ cột quan trọng trong khuôn khổ của REPowerEU.

Để đối phó với những khó khăn và sự gián đoạn thị trường năng lượng toàn cầu do khủng hoảng Nga - Ukraine gây ra, REPowerEU được đưa ra với mục đích tiết kiệm năng lượng, đa dạng hoá nguồn cung năng lượng, thúc đẩy chuyển đổi sang năng lượng sạch và loại bỏ dần việc nhập khẩu năng lượng hóa thạch từ Nga (European Commission, n.d). Chính sách này được triển khai theo một lộ trình cụ thể với các mốc quan trọng từ năm 2022 và đã đạt đến đỉnh cao pháp lý vào tháng 1/2026 khi EU chính thức thông qua Quy định (EU/261/2026) về việc loại bỏ dần việc nhập khẩu khí tự nhiên từ Nga (European Parliament, Council, 2026). Đây không còn là một khuyến nghị chính trị, mà là một bộ luật có tính bắt buộc với các cơ chế thực thi nghiêm ngặt. Văn bản này thiết lập khuôn khổ pháp lý mang tính ràng buộc đối với việc loại bỏ dần nhập khẩu khí đốt từ Nga, bao gồm cả khí qua đường ống và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), đồng thời đặt nền tảng cho việc chấm dứt nhập khẩu dầu mỏ từ Nga trong trung hạn. Khác với các tuyên bố chính trị trước đó, quy định này đi kèm với các cơ chế giám sát và thực thi cụ thể, buộc các quốc gia thành viên phải tuân thủ lộ trình giảm phụ thuộc đã được xác lập (European Parliament, Council, 2026).

Như vậy, có thể thấy, quá trình tái cấu trúc năng lượng của EU đã chuyển từ giai đoạn định hướng chính trị sang giai đoạn thể chế hóa pháp lý. Sự chuyển đổi này không chỉ phản ánh mức độ nghiêm túc của EU trong việc giảm phụ thuộc vào năng lượng Nga, mà còn cho thấy nỗ lực xây dựng một cấu trúc an ninh năng lượng bền vững hơn trong dài hạn.

3.2. Cắt giảm phụ thuộc vào Nga

Ngay khi cuộc xung đột Nga - Ukraine nổ ra, các quốc gia thành viên EU đã ngừng nhập khẩu than đá từ Nga vào tháng 8/2022 (European Commission, n.d.), trong khi lượng dầu thô nhập khẩu từ Nga đã giảm từ 27% vào năm 2021 xuống còn 3% tổng lượng dầu thô nhập khẩu của EU vào năm 2025, và lượng GAS nhập khẩu từ Nga giảm từ 45% năm 2021 xuống 13% năm 2025 (Xem Bảng 1).

Bảng 1: Nhập khẩu năng lượng Nga của EU giai đoạn 2021-2025

Loại năng lượng	2021	2025
Dầu mỏ	27% (năm 2022)	3%
Khí đốt	45%	13%
Than đá	50%	0%

Nguồn: *European Commission (n.d.)*.

Sau sự phục hồi nhập khẩu LNG từ Nga giai đoạn 2022-2024, EU từng bước lên kế hoạch chấm dứt hoàn toàn sự phụ thuộc. Theo đó, dầu mỏ, khí đốt và năng lượng hạt nhân của Nga sẽ được loại bỏ dần khỏi thị trường EU một cách phối hợp và an toàn khi quá trình chuyển đổi sang năng lượng sạch của EU tiến triển. Cụ thể, (1) EU dự kiến sẽ ngừng hoàn toàn nhập khẩu khí đốt đường ống và khí đốt tự nhiên hóa lỏng từ Nga trước tháng 11/2027; (2) Hành động để giải quyết vấn đề “hạm đội ngầm” của Nga (các tàu được Nga sử dụng để né tránh lệnh trừng phạt) vận chuyển dầu và ngừng nhập khẩu dầu của Nga trước cuối năm 2027; (3) Hạn chế nhập khẩu uranium, uranium làm giàu và các vật liệu hạt nhân khác có nguồn gốc từ Nga (European Commission, n.d.).

EU phối hợp với các quốc gia thành viên để đảm bảo việc loại bỏ dần nhập khẩu năng lượng từ Nga trên toàn EU diễn ra từng bước và được phối hợp tốt trong toàn Liên minh (European Commission, 2025). Các biện pháp nhằm truy xuất nguồn gốc năng lượng từ phía Nga được EU đẩy mạnh. Quan trọng hơn, các hợp đồng mới với các nhà cung cấp khí đốt của Nga (đường ống và LNG) sẽ bị ngăn chặn và các hợp đồng giao ngay hiện có sẽ bị chấm dứt từ cuối năm 2025 (European Commission, 2025; Bruegel AISBL, 2025).

Những kết quả này cho thấy, EU đã từng bước giảm mạnh mức độ phụ thuộc trực tiếp vào Nga so với trước năm 2022, tuy nhiên quá trình này chủ yếu dựa vào việc thay thế nguồn cung hơn là giảm nhu cầu năng lượng tổng thể.

3.3. Đa dạng hóa nguồn cung năng lượng

Để bù đắp khoảng trống do chính sách cắt giảm năng lượng của Nga, EU đã triển khai chiến lược đa dạng hóa nguồn cung theo hướng mở rộng phạm vi đối tác và thay đổi cấu trúc thị trường năng lượng (European Commission, 2026). Một trong những xu hướng nổi bật là sự chuyển dịch mạnh mẽ từ khí đốt vận chuyển qua đường ống sang LNG, cho phép EU tiếp cận nguồn cung linh hoạt hơn trên thị trường toàn cầu (European Commission, 2026). Trong bối cảnh này, Mỹ nổi lên như nhà cung cấp năng lượng lớn nhất cho EU, chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng lượng nhập khẩu dầu mỏ

(15,1%) và khí tự nhiên hóa lỏng (56%), trong khi Na Uy đóng vai trò quan trọng với 14,4% nguồn cung dầu mỏ và 52,1% khí tự nhiên ở dạng khí vận chuyển qua đường ống, tiếp theo là Algeria với 17,4%, và Nga với 10,4% (Eurostat, 2026).

Bảng 2: Nhập khẩu của EU theo sản phẩm năng lượng và theo đối tác

Đối tác	Dầu mỏ (%)	LNG (%)	Khí đốt
Mỹ	15,1	56,0	---
Na Uy	14,4	---	52,1
Kazakhstan	12,7	---	---
Libya	9,0	---	---
Ả Rập Xê Út	6,5	---	---
Nga	---	13,9	10,4
Quatar	---	8,9	---
Algeria	---	6,6	17,4
Nigeria	---	4,2	---
Anh	---	---	9,1
Azerbaijan	---	---	8,1
Các nguồn khác	---	10,4	2,7

Nguồn: Eurostat (2026).

Sự kết hợp giữa các nguồn cung xuyên Đại Tây Dương (Mỹ) và nội khu vực (Na Uy, Algeria) đã góp phần làm suy giảm đáng kể vai trò của Nga trong cơ cấu nhập khẩu năng lượng của EU. Nhìn từ góc độ lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau, sự dịch chuyển này phản ánh nỗ lực của khối trong việc giảm tính nhạy cảm trước một đối tác duy nhất bằng cách phân tán rủi ro sang nhiều chủ thể khác nhau. Tuy nhiên, việc tỷ trọng LNG từ Mỹ đạt mức cao kỷ lục cũng đặt ra câu hỏi về việc EU đang chuyển dịch sang một dạng phụ thuộc mới mang tính thị trường thay vì đạt được tự chủ hoàn toàn.

Nhìn chung, chiến lược đa dạng hóa nguồn cung đã giúp EU nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn năng lượng thay thế và giảm thiểu rủi ro gián đoạn nguồn cung. Tuy nhiên, sự chuyển dịch này cũng kéo theo những thách thức mới, đặc biệt liên quan đến chi phí nhập khẩu và mức độ ổn định của thị trường năng lượng trong dài hạn.

3.4. **Đẩy mạnh năng lượng tái tạo**

Bên cạnh đa dạng hóa nguồn cung từ nước ngoài, EU đã hướng tới phát triển nhiều năng lượng tái tạo hơn (Ah Voun, 2024). Trong khuôn khổ REPowerEU, Chỉ thị Năng lượng tái tạo sửa đổi năm 2023 đã nâng mục tiêu ràng buộc về tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng của EU lên 42,5% vào năm 2030, với tham vọng đạt

mức 45% (European Commission, n.d.). Để hiện thực hóa mục tiêu này, EU triển khai các chính sách mang tính hệ thống nhằm vừa mở rộng công suất, vừa củng cố nền tảng công nghiệp. Kế hoạch Công nghiệp Thỏa thuận Xanh đóng vai trò trung tâm trong việc phát triển năng lực sản xuất các công nghệ không phát thải ròng, thông qua các công cụ như Đạo luật Nguyên liệu thô thiết yếu và Đạo luật Công nghiệp Không phát thải ròng, qua đó tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và đổi mới công nghệ (European Commission, 2023).

Song song với đó, EU đẩy mạnh hiện đại hóa hạ tầng năng lượng nhằm đảm bảo khả năng tích hợp các nguồn tái tạo. Kế hoạch hành động về lưới điện và cải cách thị trường điện năm 2024 góp phần nâng cao tính ổn định của hệ thống, đồng thời giảm sự phụ thuộc của giá điện vào biến động ngắn hạn. Ngoài ra, việc sửa đổi Chỉ thị hiệu quả năng lượng với nguyên tắc “ưu tiên hiệu quả năng lượng” đã thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và bền vững hơn (European Commission, 2023a).

Tuy nhiên, trong ngắn hạn, năng lượng tái tạo chưa thể thay thế hoàn toàn vai trò của nhiên liệu hóa thạch, đặc biệt là khí đốt. Do đó, quá trình chuyển đổi của EU mang tính dài hạn, trong đó năng lượng tái tạo góp phần giảm phụ thuộc mang tính cấu trúc, nhưng vẫn cần kết hợp với các nguồn năng lượng trung gian để đảm bảo an ninh năng lượng.

4. Đánh giá quá trình tái cấu trúc dưới góc độ mô hình an ninh năng lượng 4As

4.1. Thành tựu

Dưới góc độ mô hình 4As, quá trình tái cấu trúc hệ thống năng lượng của EU giai đoạn 2022-2026 đã đạt được những kết quả thực nghiệm rõ rệt, đặc biệt là ở hai khía cạnh đầu tiên:

Thứ nhất, sự sẵn có. EU đã thành công trong việc thay thế khối lượng lớn năng lượng hóa thạch từ Nga bằng các nguồn cung đa dạng. Đến năm 2025, tỷ trọng dầu thô nhập khẩu từ Nga chỉ còn 3% (so với 27% năm 2021) và khí đốt giảm xuống còn 13% (so với 45% năm 2021). Thay vào đó, Mỹ đã trở thành nhà cung cấp LNG lớn nhất (chiếm 56% thị phần), trong khi Na Uy củng cố vai trò đối tác khí đốt qua đường ống lớn nhất với 52,1% thị phần (Xem Bảng 2). Căn cứ vào dữ liệu của Bruegel cho thấy sự sụt giảm liên tục của nguồn cung từ Nga và sự lấp đầy của các nguồn cung thay thế từ quý 1/2021 đến quý 1/2026 (Bruegel AISBL, 2025). Bên cạnh đó, việc duy trì mức dự trữ khí đốt đạt 95% (European Commission, 2026) trước mùa đông 2024-2025 minh chứng cho nguồn cung thay thế luôn sẵn sàng, giúp ngăn chặn hiệu quả kịch bản khủng hoảng thiếu hụt.

Thứ hai, khả năng tiếp cận. Một bước đi đột phá là việc triển khai thần tốc các Đơn vị lưu trữ và tái hóa khí nổi (FSRU) (European Commission, 2025a). Thay vì mất nhiều

năm để xây dựng các trạm LNG cố định, việc sử dụng FSRU đã cho phép EU thiết lập các cửa ngõ nhập khẩu mới chỉ trong vòng vài tháng. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện các dự án kết nối nội khối đã làm thay đổi bản đồ năng lượng của lục địa. Các tuyến đường ống như GIPL (Ba Lan - Lithuania) và IGB (Hy Lạp - Bulgaria) không đơn thuần là các công trình xây dựng, mà là các “mạch máu” địa chính trị giúp kết nối các khu vực bị cô lập trước đây vào hệ thống chung của Liên minh.

4.2. Hạn chế và thách thức

Mặc dù EU đã đạt được những bước tiến lớn trong quá trình thoát khỏi sự phụ thuộc vào năng lượng của Nga, song quá trình này vẫn gặp phải những rào cản nội tại quan trọng đe dọa đến tính bền vững của mô hình tái cấu trúc.

Thứ nhất, khả năng chi trả. Đây được coi là điểm yếu trong chiến lược tái cấu trúc năng lượng của EU. Dù các biện pháp năm 2022 đã giúp ổn định thị trường nhưng giá năng lượng tại EU vẫn tăng cao so với giai đoạn trước khủng hoảng. Việc chuyển dịch từ nguồn khí đốt đường ống giá rẻ của Nga sang thị trường LNG toàn cầu đã đẩy chi phí nhập khẩu lên cao, gây áp lực trực tiếp lên ngân sách hộ gia đình và làm suy yếu năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp thâm dụng năng lượng. Đến năm 2025, giá khí đốt chuẩn của châu Âu (TTF) tăng gấp đôi mức trước khủng hoảng (Molnar và Zeniewski, 2025). Chỉ tính riêng trong năm 2024, giá điện đã tăng 59%, từ 30 lên 48 EUR/MWh (Czyzak và Mindekova, 2025). Theo IEA giá khí đốt cao gây ra hiệu ứng dây chuyền đối với giá điện, cũng như gián tiếp ảnh hưởng đến giá thực phẩm thông qua chi phí đầu vào cao hơn đối với các nhà sản xuất. Thiệt hại kinh tế đã thể hiện rõ đối với cả hộ gia đình và doanh nghiệp; giai đoạn đầu của cú sốc giá khí đốt là yếu tố chính góp phần gây ra lạm phát và sự gia tăng mạnh mẽ chi phí sinh hoạt, đồng thời góp phần làm tăng tỷ lệ nghèo năng lượng trên khắp châu Âu. Giá khí đốt dành cho người tiêu dùng công nghiệp ở châu Âu kể từ năm 2022 trung bình cao hơn 30% so với Trung Quốc và cao gấp năm lần so với Mỹ. Một số ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều khí đốt và năng lượng đã phải cắt giảm sản xuất, trong khi một số nhà máy đã phải đóng cửa (Molnar & Zeniewski, 2025).

Thứ hai, sự chấp nhận. Tiêu chí này phản ánh mức độ sẵn sàng của xã hội và các chủ thể kinh tế trong việc ủng hộ và tuân thủ các lộ trình tái cấu trúc năng lượng đầy tổn kém. Trong bối cảnh EU, sự chấp nhận đang bị thách thức bởi sự xung đột trực tiếp giữa mục tiêu chuyển dịch xanh và yêu cầu về an ninh năng lượng ngắn hạn. Việc loại bỏ khí đốt giá rẻ của Nga buộc EU phải đẩy nhanh lộ trình REPowerEU, nhưng điều này đi kèm với “phí tổn chuyển đổi” khổng lồ. Sự gia tăng chi phí sinh hoạt và tình trạng nghèo năng lượng đã làm xói mòn sự đồng thuận xã hội đối với các chính sách khí

hậu tham vọng. Theo báo cáo của IEA (2025), sự bất mãn về giá năng lượng cao đã tạo ra những làn sóng phản đối tại nhiều quốc gia, khiến chính phủ các nước thành viên rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan, một mặt phải duy trì cam kết cắt giảm phát thải, mặt khác phải trợ cấp cho nhiên liệu hóa thạch để xoa dịu cử tri (Molnar & Zeniewski, 2025).

Cuối cùng, sự thống nhất nội khối. Do đặc điểm lịch sử và vị trí địa lý, các quốc gia Đông và Trung Âu có mức độ phụ thuộc vào năng lượng từ Nga cao hơn so với các nước Tây Âu, khiến chi phí điều chỉnh và chuyển đổi của họ lớn hơn đáng kể. Điều này dẫn đến những khác biệt trong ưu tiên chính sách và mức độ sẵn sàng tham gia các biện pháp chung, như cơ chế mua khí đốt tập thể, hay phân bổ nguồn cung trong khủng hoảng. Mặc dù EU đã nỗ lực thúc đẩy nguyên tắc đoàn kết thông qua các cơ chế điều phối và chia sẻ nguồn lực, song thực tế cho thấy các nước thành viên vẫn chưa hoàn toàn thống nhất. Một số quốc gia vẫn duy trì các kênh nhập khẩu năng lượng từ Nga ở mức độ nhất định, phản ánh lợi ích quốc gia vẫn giữ vai trò chi phối. Chẳng hạn, Hungary và Slovakia đã kêu gọi EU dỡ bỏ các biện pháp hạn chế nhập khẩu năng lượng từ Nga (Reuters, 2026). Sau khi EU đã ban hành luật về việc loại bỏ hoàn toàn khí đốt của Nga vào cuối năm 2027, Hungary và Slovakia đã tuyên bố sẽ kiện luật này ra tòa (Bayer, 2026).

4.3. Nhận định tổng thể

Cho đến hiện tại, dưới lăng kính của lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau, EU đã đạt được những tiến triển đáng kể trong việc giảm mức độ tổn thương trước các áp lực địa chính trị từ Nga. Tuy nhiên, EU vẫn chưa đạt được “tự chủ chiến lược” theo nghĩa tự cung tự cấp hoàn toàn trong lĩnh vực năng lượng. Thay vào đó, hệ thống năng lượng của EU đang chuyển dịch từ một dạng phụ thuộc mang tính địa chính trị vào một đối tác chủ chốt thông qua hạ tầng cố định sang một dạng phụ thuộc mang tính thị trường, trong đó mức độ ổn định phụ thuộc nhiều hơn vào biến động giá cả và cạnh tranh nguồn cung trên thị trường năng lượng toàn cầu, đặc biệt là LNG. Xu hướng này bộc lộ rõ trong cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Iran đã làm gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu và kéo giá năng lượng thế giới tăng mạnh, điều này ảnh hưởng lớn đến EU. Việc châu Âu phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu năng lượng đã khiến khu vực này dễ bị tổn thương trước giá cả leo thang kể từ khi tuyến đường vận chuyển quan trọng eo biển Hormuz bị đóng cửa và Iran bắt đầu tấn công cơ sở hạ tầng năng lượng ở Trung Đông (Abnett, 2026). Giá khí đốt bán buôn ở châu Âu đã tăng gấp đôi kể từ khi chiến tranh ở Iran bắt đầu vào ngày 28/02/2026 (Reuters, 2026). Hợp đồng kỳ hạn tháng gần nhất của Hà Lan đã đạt mức cao nhất trong ngày là 74 euro/MWh vào ngày 19/3/2026, mức cao nhất kể từ tháng 01/2023 (Reuters, 2026; Abnett, 2026).

Nhìn chung, dạng phụ thuộc mới này mang lại mức độ linh hoạt cao hơn trong việc lựa chọn đối tác và nguồn cung, song đồng thời cũng làm gia tăng tính nhạy cảm của EU trước các cú sốc cung - cầu phát sinh từ các khu vực ngoài châu Âu, như Bắc Mỹ hoặc Trung Đông. Điều này cho thấy, an ninh năng lượng của EU không phải là trạng thái loại bỏ phụ thuộc, mà là quá trình tái cấu trúc và quản trị các dạng phụ thuộc trong một hệ thống năng lượng toàn cầu hóa, đòi hỏi cách tiếp cận linh hoạt và đa chiều hơn trong tương lai.

5. Thảo luận và hàm ý chính sách cho Việt Nam

5.1. Thảo luận

Những phát hiện từ nghiên cứu trường hợp của EU đã góp phần bổ sung thêm góc nhìn quan trọng trong nghiên cứu an ninh năng lượng là một quốc gia đa dạng hóa nguồn cung năng lượng có thực sự dẫn đến tự chủ năng lượng, hay lại tạo ra một hình thức phụ thuộc khác? Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong bối cảnh tình hình địa chính trị thế giới đang diễn ra phức tạp đe dọa mạnh mẽ đến an ninh năng lượng toàn cầu và việc loại bỏ phụ thuộc vào một đối tác cụ thể không đồng nghĩa với việc loại bỏ hoàn toàn sự phụ thuộc.

Phụ thuộc có xu hướng chuyển dịch từ dạng phụ thuộc song phương mang tính địa chính trị sang dạng phụ thuộc đa phương mang tính thị trường. Mặc dù dạng phụ thuộc này ít bị chi phối bởi yếu tố chính trị hơn, nó lại làm gia tăng mức độ bất định do chịu tác động của biến động giá cả, cạnh tranh toàn cầu và các cú sốc thị trường. Theo Vioda (2022), trong một thị trường liên kết đa phương, các sự kiện địa chính trị ở khu vực khác sẽ lập tức lây lan qua cơ chế giá cả (Vioda, 2022). Điều này đặt ra giới hạn đối với các chiến lược theo đuổi “tự chủ năng lượng” trong thực tế. Từ góc độ lý thuyết, kết quả này bổ sung cho cách tiếp cận của Robert Keohane và Joseph Nye về phụ thuộc lẫn nhau phức tạp, cho thấy rằng, phụ thuộc không biến mất mà chỉ thay đổi hình thức và mức độ bất đối xứng (Keohane & Nye, tr158). Qua đó, nghiên cứu nhấn mạnh rằng, an ninh năng lượng nên được hiểu như một trạng thái quản trị phụ thuộc, thay vì một trạng thái loại bỏ phụ thuộc hoàn toàn.

5.2. Khuyến nghị cho Việt Nam

Trường hợp của EU cung cấp một số bài học quan trọng cho Việt Nam trong việc quản trị an ninh năng lượng trong bối cảnh biến động địa chính trị toàn cầu. Đặt trong bối cảnh an ninh năng lượng của Việt Nam đang chịu những ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Iran (MUFG, 2026), nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị cho Việt Nam.

Kinh nghiệm từ EU cho thấy, việc phụ thuộc quá mức vào một nhà cung cấp năng lượng có thể tạo ra rủi ro chiến lược nghiêm trọng khi môi trường địa chính trị biến

động. Do đó, Việt Nam cần đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, đặc biệt là về nhập khẩu LNG và dầu mỏ. Việc mở rộng hợp tác với nhiều đối tác khác nhau sẽ giúp giảm thiểu rủi ro gián đoạn nguồn cung và nâng cao khả năng thích ứng trước các cú sốc bên ngoài.

Bên cạnh việc đa dạng hóa nguồn cung, Việt Nam cần đặc biệt chú trọng đa dạng hóa các tuyến vận tải năng lượng nhằm giảm thiểu rủi ro từ các điểm nghẽn địa chính trị. Hiện nay, phần lớn năng lượng nhập khẩu của Việt Nam vẫn phụ thuộc vào các tuyến hàng hải đi qua các eo biển chiến lược như Malacca và Hormuz. Với Việt Nam, khoảng 85% lượng dầu thô nhập khẩu là từ Trung Đông, trong đó gần như hoàn toàn từ Kuwait (MUFG, 2026). Việc mở rộng hợp tác năng lượng với các đối tác ở khu vực Thái Bình Dương như Australia là hướng đi chiến lược để thiết lập những “hành lang an toàn”. Với vị thế là nhà xuất khẩu LNG và than hàng đầu thế giới, Australia cung cấp một lộ trình vận tải trực tiếp qua Thái Bình Dương, hoàn toàn thoát ly khỏi các rủi ro tại eo biển Hormuz hay sự bất ổn của vùng Vịnh. Thực tế vào tháng 3/2026, Việt Nam đã chủ động ứng phó bằng cách nhập khẩu các lô hàng LPG và LNG từ Australia để bù đắp ngay lập tức lượng thiếu hụt từ Trung Đông (Anh Tuấn, 2026).

Tuy nhiên, bài học từ quá trình tái cấu trúc của EU cho thấy, việc chuyển dịch này thực chất là chuyển từ “phụ thuộc địa chính trị” sang “phụ thuộc thị trường”. Do đó, Việt Nam cần triển khai chiến lược này một cách thận trọng thông qua các hợp đồng dài hạn để cố định giá, tránh bầy biến động giá toàn cầu. Đồng thời, cần đảm bảo chính sách đối ngoại cân bằng, kết hợp với việc nâng cao năng lực hậu cần, hạ tầng cảng bốc dỡ LNG và gia tăng khả năng dự trữ năng lượng chiến lược trong nước để xây dựng một hệ thống tự chủ và linh hoạt.

6. Kết luận

Quá trình tái cấu trúc hệ thống năng lượng của Liên minh châu Âu từ năm 2022 đến đầu năm 2026 là một trong những cuộc dịch chuyển địa chính trị và kinh tế sâu sắc nhất trong lịch sử đương đại. Thông qua lăng kính lý thuyết Phụ thuộc lẫn nhau và mô hình 4As, EU không chỉ đơn thuần thay đổi nguồn cung, mà đang định nghĩa lại khái niệm an ninh năng lượng trong một trật tự thế giới đa cực.

Về mặt thành tựu, EU đã chứng minh được khả năng chống chịu đáng kinh ngạc thông qua hai trụ cột là Sự sẵn có và Khả năng tiếp cận. Việc cắt giảm tỷ trọng khí đốt Nga xuống còn 13% và dầu mỏ xuống còn 3% vào năm 2025, thay thế bằng sự hiện diện áp đảo của LNG Mỹ (56%) và khí đường ống Na Uy (52,1%), là minh chứng cho nỗ lực thoát ly thành công khỏi sự lệ thuộc phi đối xứng vào Nga. Hệ thống hạ tầng mới

mạng lưới kết nối nội khối đã giúp EU hóa giải thể “độc đạo” của các tuyến đường ống cũ từ phía Đông.

Tuy nhiên, quá trình này bản chất là một sự tái cấu trúc sự phụ thuộc hơn là tự chủ hoàn toàn. EU đã chuyển dịch từ “phụ thuộc địa chính trị” sang “phụ thuộc thị trường”, kéo theo những thách thức nghiêm trọng về Khả năng chi trả và Sự chấp nhận. Giá năng lượng duy trì ở mức cao gấp đôi giai đoạn trước khủng hoảng không chỉ đe dọa năng lực cạnh tranh công nghiệp so với Mỹ và Trung Quốc, mà còn làm rạn nứt sự đoàn kết nội khối. Những phản ứng pháp lý từ Hungary hay Slovakia cho thấy, tính thống nhất vẫn là một biến số nhạy cảm trong cấu trúc an ninh chung.

Chú thích:

- 1) Mô hình an ninh năng lượng 4As là khung đánh giá chiến lược gồm bốn trụ cột chính: i) Sự sẵn có của nguồn cung (Availability); ii) Khả năng tiếp cận hạ tầng (Accessibility); iii) Khả năng chi trả về kinh tế (Affordability); và iv) Tính chấp nhận về mặt môi trường và xã hội (Acceptability).

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt:

1. Anh Tuấn (2026). “Nhập gần 38.000 tấn LPG từ Australia nhằm bảo đảm cung năng lượng”. Báo Nhân Dân. <https://nhandan.vn/nhap-gan-38000-tan-lpg-tu-australia-nham-bao-dam-cung-nang-luong-post949846.html>.
2. Lê Hoàng Kiệt, Trần Xuân Hiệp, Trần Văn Thống, & Nguyễn Ánh Minh (2023). “Quá trình EU đa dạng hóa nguồn cung cấp và giảm phụ thuộc vào nguồn năng lượng từ Nga”. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh 20 (12): 2162-2172. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.12.3912\(2023\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.12.3912(2023)).

Tiếng Anh:

1. Abnett, K. (2026). “EU Energy Ministers Seek to Coordinate Iran War Response”. Reuters. <https://www.reuters.com/business/energy/eu-energy-ministers-seek-coordinate-iran-war-response-2026-03-30/>.
2. Bayer, L., và Abnett, K. (2026). “EU to Propose Permanent Ban on Russian Oil after Hungary Election, Document Shows”. Reuters. <https://www.reuters.com/business/energy/eu-propose-permanent-ban-russian-oil-after-hungary-election-document-shows-2026-02-24/>.
3. Borovsky, Y., & Shishkina, O. (2021). “The Priorities of EU Energy Policy. Contemporary Europe”. <https://doi.org/10.15211/soveurope32021117127>.
4. Bruegel AISBL (2025). “European Natural Gas Imports. Bruegel”. <https://www.bruegel.org/dataset/european-natural-gas-imports>.
5. Butorac, S. (2025). “Phasing Out Russian Fossil Fuel Imports (PE 775.863)”. European Parliamentary Research Service. <https://www.europarl.europa.eu/legislative-train/>.
6. European Parliament, Council of the European Union (2026). Regulation (EU) 2026/261 of 26 January 2026 on Phasing Out Russian Natural Gas Imports and Preparing the Phase-out of Russian Oil Imports, Improving Monitoring of Potential Energy Dependencies and Amending Regulation (EU) 2017/1938. Official Journal of the European Union. <https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2026/261/oj>.

7. Czyzak, P., Theisen, N., và Mindekova, T. (2025). "The Final Push for EU Russian Gas Phase-out. Ember". <https://ember-climate.org/insights/research/the-final-push-for-eu-russian-gas-phase-out/>.
8. European Commission (2023). "The Green Deal Industrial Plan". https://commission.europa.eu/strategy-and-policy/priorities-2019-2024/european-green-deal/green-deal-industrial-plan_en.
9. European Commission (2023a). "Energy Efficiency Directive". https://energy.ec.europa.eu/topics/energy-efficiency/energy-efficiency-targets-directive-and-rules/energy-efficiency-directive_en.
10. European Commission (2025). "EU to Fully End Its Dependency on Russian Energy". https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_25_1131.
11. European Commission (2025a). REPowerEU: 3 Years On. https://energy.ec.europa.eu/topics/markets-and-consumers/actions-and-measures-energy-prices/repowereu-3-years_en.
12. European Commission (2026). "EU Action to Address the Energy Crisis". https://commission.europa.eu/topics/energy/eu-action-address-energy-crisis_en.
13. European Commission. n.d. "RE Power EU: Affordable, Secure and Sustainable Energy for Europe". https://commission.europa.eu/topics/energy/repowereu_en.
14. Eurostat (2026). "EU Imports of Energy Products Decreased Again in 2025". Eurostat. <https://ec.europa.eu/eurostat/web/products-eurostat-news/w/ddn-20260325-3>.
15. Kardaś, S. (2023). "Conscious Uncoupling: Europeans' Russian Gas Challenge in 2023". European Council on Foreign Relations. <https://ecfr.eu/article/conscious-uncoupling-europeans-russian-gas-challenge-in-2023>.
16. Keohane, R. O., & Nye, J. S. Jr. (1973). "Power and Interdependence". *Survival* 15(4): 158-165. <https://doi.org/10.1080/00396337308441409>.
17. Molnar, G., & Zeniewski, P. (2025). "European Gas Market Volatility Puts Continued Pressure on Competitiveness and Cost of Living". IEA. <https://www.iea.org/commentaries/european-gas-market-volatility-puts-continued-pressure-on-competitiveness-and-cost-of-living>.
18. MUFG (2026). "Vietnam - Strait of Hormuz Closure: Oil and Energy Shortages Key for VND". MUFG Global Markets Research. <https://www.mufgresearch.com/fx/vietnam-strait-of-hormuz-closure-oil-and-energy-shortages-key-for-vnd-18-march-2026/>.
19. Muzlova, G. (2022). "Reduction in Production and Reorientation of Oil Exports" [Снижение добычи и переориентация экспорта нефти] (Suy giảm sản lượng và tái định hướng xuất khẩu dầu mỏ). Морские вести России. <https://morvesti.ru/themes/1694/95324/>.
20. Reuters (2026). "Where Does the EU Get Its Gas and How Is It Impacted by the Iran Conflict?". Reuters. <https://www.reuters.com/business/energy/where-does-eu-get-its-gas-how-is-it-impacted-by-iran-conflict-2026-03-19/>.
21. Tichý, L., & Dubský, Z. (2024). "The EU Energy Security Relations with Russia until the Ukraine War". *Energy Strategy Reviews* 52: 101313. <https://doi.org/10.1016/j.esr.2024.101313>.
22. Vivoda, V. (2022). "Australia's Energy Security and Statecraft in an Era of Strategic Competition". *Energies* 15(19): 6935. <https://doi.org/10.3390/en15196935>.
23. Vošta, M. (2025). "EU Energy Transformation and Diversification: Energy Security in the Context of Geopolitical Changes". *Politics in Central Europe* 21(2): 265-283. <https://doi.org/10.2478/pce-2025-0011>.